

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cầu;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (có mặt);

Cư trú: Tổ A, ấp B, xã A, huyện C, An Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ A, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối nên chị và anh Lê Văn Đ quyết định sống chung như vợ chồng vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn.

Sau khi chung sống, vợ chồng cất nhà riêng gần nhà mẹ ruột chị đến khoảng năm 2007 vợ chồng lên Bình Dương thuê nhà trọ sống. Cuộc sống hạnh phúc được

một thời gian, đến ngày 30/4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ ghen tuông, đánh đập chị và không lo chăm sóc vợ con, không lo tiếp kinh tế gia đình, anh còn chơi số đề, gây nợ. Chị có khuyên can nhiều lần, nhưng anh vẫn không thay đổi. Cha mẹ chị có hàn gắn nhưng không được. Do quá sức chịu đựng nên vào tháng 01/2024 chị đã tự bỏ đi và thuê nhà trọ khác ở. Vợ chồng ly thân từ đó. Trong thời gian ly thân, anh Đ không đến năn nỉ để hàn gắn vợ chồng, ngược lại anh còn ngăn cản không cho chị đến thăm con. Chị phải lên gọi điện hỏi thăm con, chị có mua đồ cho con nhưng anh Đ không cho con nhận bất cứ thứ gì.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, một đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Xuân N, sinh ngày 26/07/2002 và Lê Văn H, sinh ngày 28/01/2015 hiện đang sống với anh Đ. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu Lê Văn H cho anh Đ được tiếp tục nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Lê Thị Xuân N hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Lê Văn Đ:* Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người, nhưng anh Đ đều vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Đ. Về con chung: đồng ý giao cháu Lê Văn H cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Đ: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, tuyên bố không công nhận chị T và ạn Đ là vợ chồng; về con chung: tiếp tục giao cháu H cho anh Đ nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T thừa nhận sống chung với anh Lê Văn Đ từ năm 2001 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn; Nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp, anh chị không còn quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau, xác định tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Đ. Theo khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”; Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này*”. Như vậy, mặc dù chị T và anh Đ đã sống chung với nhau trong một thời gian dài và đã có con chung, nhưng theo giấy xác nhận ngày 22/02/2024 của Ủy ban nhân dân xã A (huyện C, An Giang) đã xác định: “*Từ sau năm 2001 đến nay thì tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị T không có thông tin kết hôn và chưa đăng ký kết hôn với ai*”. Do không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Đ.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng:* Chị Nguyễn Thị T thừa nhận giữa chị và anh Lê Văn Đ có 02 con chung tên Lê Thị Xuân N, sinh ngày 26/07/2002 và Lê Văn H, sinh ngày 28/01/2015. Mặt khác, giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện điều này. Tuy nhiên, hiện tại cháu Lê Thị Xuân N đã trưởng thành, riêng cháu Lê Văn H dù có nguyện vọng được sống chung với mẹ, nhưng chị T đã đồng ý giao cháu H cho anh Đ nuôi dưỡng, chị sẽ thường xuyên tới lui thăm nom, chăm sóc cháu. Hơn nữa, hiện nay cháu H đang sống với a Đương, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Việc anh Lê Văn Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm:*

Do chị Nguyễn Thị T có yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Đ.

2. *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*:

Công nhận cháu Lê Thị Xuân N, sinh ngày 26/07/2002 và Lê Văn H, sinh ngày 28/01/2015 là con chung của chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Đ;

+ Giao cháu Lê Văn H cho anh Lê Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (hiện cháu H đang sống chung với anh Đ); chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Lê Văn Đ không yêu cầu.

Cháu Lê Thị Xuân N, sinh ngày 26/07/2002 đã trưởng thành.

+ Anh Lê Văn Đ cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0004551 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên chị T đã nộp xong.

5. *Về quyền kháng cáo*:

Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lê Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- UBND xã;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh

